

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 198/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 8 – 2023

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Xuyên.

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Hoàng Kha  
2. Ôn Võ Sĩ Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Kiển – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Ngọc Nh1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 21/115, đường G, khóm T, phường B, thành phố C, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn Nh2, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 21/115, đường G, khóm T, phường B, thành phố C, tỉnh C. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Phạm Ngọc Nh1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn Nh2 tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại nhà riêng của bà Nh1 tại khoám 8, phường 7, thành phố Cà Mau. Trong quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hòa hợp và có 01 con chung. Đến năm 2015 ông Nh2 sử dụng ma túy, từ đó kinh tế gia đình khó khăn, hay cãi vã và ông Nh2 đánh đập bà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nh2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Huỳnh Th, sinh ngày 03/8/2013. Khi ly hôn bà Nh1 yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Nh2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Nh2, tại Biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 14/7/2023 ông Nh2 trình bày: Về hôn nhân: Ông và bà Nh1 không có đăng ký kết hôn, ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nh1 do ông vẫn còn tình cảm và mong muốn được tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà Nh1 sau khi ông hoàn thành cai nghiện. Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Nh2 đồng ý giao con chung là cháu Phạm Huỳnh Th cho bà Nh1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông xin Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận bà Phạm Ngọc Nh1 và anh Huỳnh Văn Nh2 là vợ chồng, về con chung: giao cháu Phạm Huỳnh Th cho bà Nh1 trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, bà Nh1 chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nh2 có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nh2 là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc Nh1 và ông Huỳnh Văn Nh2 chung sống với nhau Nh1 vợ chồng từ năm 2012 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình thụ lý giải quyết cũng Nh1 tại phiên tòa bà Nh1 cương quyết xin được ly hôn và ông Nh2 không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy do ông bà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Nh1 và ông Nh2 có 01 người con chung tên Phạm Huỳnh Th, sinh ngày 03/8/2013. Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân giữa bà Nh1 và ông Nh2 không được pháp luật công nhận, nhưng ông bà vẫn có quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc bà Nh1 yêu cầu được nuôi con chung phù hợp với ý kiến của anh Nh2 và nguyện vọng của cháu Th nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Nh2 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh1, ông Nh2 xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nh1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Ngọc Nh1 và ông Huỳnh Văn Nh2 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Huỳnh Th, sinh ngày 03/8/2013 cho bà Nh1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc ông Nh2 cấp dưỡng nuôi con. Ông Nh2 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Ngọc Nh1 phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 6 năm 2023, bà Nh1 đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0003646 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu ngân sách nhà nước.

Bà Nh1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nh2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 7, Tp.Cà Mau ;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Hồng Xuyên**